



HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Tiến sĩ Trần Minh Sơn (Bộ Tư pháp)

**Trưởng Văn phòng Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành, Thành viên Ban Quản lý
Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho DNNVV giai đoạn 2021-2025**



** Bài trình bày chỉ phản ánh quan điểm cá nhân*

HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Căn cứ thực hiện:

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Khoản 3 Điều 14: “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan, tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện các hoạt động sau đây để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: a) Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật; b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.

- Nghị định hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (24/6/2019).



Chương I: Những quy định chung

Chương II: Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

- **Cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật**

- **Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý**

Mục II: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chương III: Trách nhiệm thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Chương IV: Điều khoản thi hành

Tổng cộng: 21 Điều.

(Nghị định số 66/2008/NĐ-CP: 4 Chương, 17 Điều).



Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG



Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định:

- Chi tiết các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Vậy: doanh nghiệp lớn; hợp tác xã; hộ kinh doanh cá thể????

Điều 19 Nghị định: hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là DNNVV.

- Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

(Quy định dựa trên Điều 1 và khoản 3 Điều 14 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017).

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; **Chính quyền địa phương tỉnh;**
2. **Doanh nghiệp nhỏ và vừa;**
3. Các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp: (Ví dụ: Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các hiệp hội, hội, câu lạc bộ của doanh nghiệp....);
4. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
(Trên cơ sở kế thừa Điều 2 Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp).



Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.
2. Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.
3. **Mạng lưới tư vấn viên** pháp luật
4. **Cơ sở dữ liệu** về pháp luật.



Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (5 nguyên tắc)

1. Việc hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa có trọng tâm, có thời hạn,...
2. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện trên cơ sở phối hợp.
3. Thực hiện hỗ trợ pháp lý thông qua tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, chương trình hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ pháp lý đảm bảo nguyên tắc: a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ; doanh nghiệp sử dụng người khuyết tật; Doanh nghiệp nhỏ và vừa nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.
5. Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia.



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Điều 5: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật

Việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm điều ước quốc tế về thương mại mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, được thực hiện theo Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị định này.

(Nghị định số 52/2015/NĐ-CP: “Nghị định này quy định về xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan nhà nước khác ở Trung ương (bao gồm Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.” (Điều 1); Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật là tập hợp các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là văn bản) dưới dạng văn bản điện tử (khoản 1 Điều 2)).

Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Điều 6: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý

1. Cơ sở dữ liệu về vụ việc, vướng mắc pháp lý gồm:

- Các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết, quyết định...;
- Các văn bản trả lời của Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh.
- Các văn bản tư vấn pháp luật của mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

2. Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Trang thông tin hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trên cơ sở các Bộ, UBND cấp tỉnh cập nhật.

Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Điều 7. Cơ sở dữ liệu về các bản án, quyết định của tòa án; phán quyết của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính

1. Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc công bố bản án, quyết định trên cổng thông tin điện tử của tòa án hoặc văn bản quy phạm pháp luật thay thế Nghị quyết này.
2. Phán quyết, quyết định trọng tài: Luật Trọng tài thương mại năm 2010.
3. Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh: Luật Cạnh tranh năm 2018.
4. Quyết định xử lý vi phạm hành chính: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;
5. Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật và đăng tải.



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Điều 8. Cơ sở dữ liệu các văn bản trả lời của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm trả lời đối với các vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (15 và 30 ngày làm việc).

Việc trả lời của cơ quan nhà nước quy định tại khoản này không áp dụng đối với các yêu cầu trả lời của doanh nghiệp về những trường hợp cụ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm hệ thống hóa, cập nhật



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

Điều 9. Triển khai thực hiện mạng lưới tư vấn viên pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Bước 1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật (Danh sách tư vấn viên Bộ, cơ quan ngang Bộ).

Bước 2. Thỏa thuận dịch vụ tư vấn pháp luật với Tư vấn viên pháp luật và vừa gửi (trực tiếp/bưu chính/điện tử) hồ sơ đến Bộ. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

- a) Tờ khai xác định doanh nghiệp;
- b) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Hợp đồng dịch vụ tư vấn.

Bộ, cơ quan ngang Bộ: công khai địa chỉ đơn vị đầu mối/phương thức tiếp nhận.



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

(Tiếp theo Điều 9):

Bước 3. Thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Hồ sơ đề nghị, đồng ý. Trường hợp không đồng ý hỗ trợ kinh phí thì phải nêu rõ lý do:

- a) Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng < **03 triệu đồng** một năm;
- b) Doanh nghiệp nhỏ được giảm tối đa 30% giá trị hợp đồng < **05 triệu đồng** một năm;
- c) Doanh nghiệp vừa được giảm tối đa 10% giá trị hợp đồng < **10 triệu đồng** một năm;
- d) Hộ kinh doanh chuyển đổi sang DNNVV, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ theo quy định Chương IV NĐ số 39/2018.

Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

(Tiếp theo Điều 9):

Bước 4. Thanh toán bao gồm:

- a) Văn bản tư vấn pháp luật gồm 01 bản đầy đủ và 01 bản đã loại bỏ các thông tin về bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
- c) Văn bản đề nghị thanh toán.
- C) Hóa đơn tài chính theo quy định.

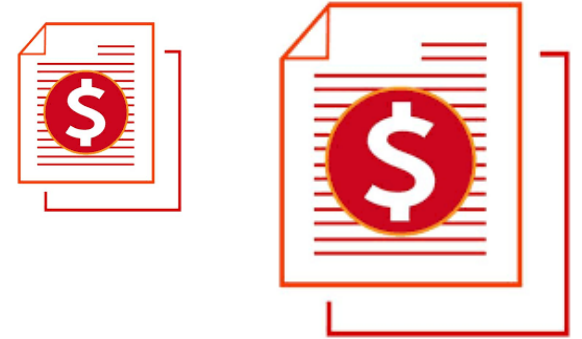


Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 1: Xây dựng, quản lý, duy trì, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về pháp luật

(Tiếp theo Điều 9):

Bước 5. Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ ->



Trong vòng 15 ngày làm việc Bộ, cơ quan ngang Bộ gửi Văn bản tư vấn => Bộ Tư pháp, Bộ KHĐT để đăng tải lên Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và Cổng thông tin quốc gia về hỗ trợ DNNVV.

Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 10. Căn cứ xây dựng và các hoạt động chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Căn cứ xây dựng chương trình:

a) Nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Chương trình xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và kế hoạch ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, các cơ quan nhà nước ở Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh.

c) Nguồn lực của các Bộ, ngành và địa phương, các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp.



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

(Tiếp theo Điều 10):

2. Các hoạt động của chương trình:

- Hoạt động cung cấp thông tin (pháp luật);
- Bồi dưỡng kiến thức pháp luật;
- Tư vấn pháp luật:



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 11. Thời hạn thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Thời hạn tối đa 05 năm.

(Quy định thời hạn nhằm hạn chế lạm dụng, lãng phí nguồn lực).



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 12. Xây dựng và phê duyệt chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành

Bộ Tư pháp =>>> trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi Bộ, cơ quan ngang Bộ

Lồng ghép vào Đề án hỗ trợ DNNVV của bộ, cơ quan ngang Bộ theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP

3. Đối với chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phạm vi địa phương:

Sở Tư pháp =>>> Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.



Chương II: HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Mục 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 13. Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện.

Ban hành và công bố công khai kế hoạch triển khai thực hiện trên cổng thông tin điện tử của mình và Trang thông tin điện tử hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của Bộ Tư pháp.

2. Việc lựa chọn, ký hợp đồng, đánh giá kết quả thực hiện và thanh lý hợp đồng.

3. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể đề xuất chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa do mình chủ trì thực hiện, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí nhưng tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện;

Chương III: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Điều 14. Triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Bộ Tư pháp;
2. Bộ Tài chính;
3. Bộ, cơ quan ngang bộ;
4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh;
5. Tổ chức đại diện cho doanh nghiệp;
6. Tư vấn viên pháp luật;
7. Doanh nghiệp nhỏ và vừa .

Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Bảo đảm nguồn lực thực hiện hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Tổ chức pháp chế thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Kinh phí bảo đảm => ngân sách nhà nước + dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước hàng năm trên cơ sở kế hoạch (bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Huy động, sử dụng kinh phí tài trợ, hỗ trợ.



Tiền không
phải là tất cả

Nhưng không
có tiền thì tất
cả bằng 0



Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện => kiểm tra, giám sát.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

- Chất lượng, đối tượng thụ hưởng;
- Trình tự, thủ tục;
- Việc chấp hành pháp luật.



Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Đánh giá các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Cơ quan, tổ chức chủ trì thực hiện => đánh giá.

ý kiến phản hồi của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Bộ Tư pháp => định kỳ 5 năm đánh giá => báo cáo CP, TTCP.



Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

Điều 20. Hỗ trợ pháp lý cho đối tượng không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tùy thuộc vào nguồn lực hỗ trợ pháp lý, Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp có thể quyết định áp dụng tương tự các nội dung, hình thức về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để hỗ trợ pháp lý cho tổ chức, cá nhân kinh doanh không phải là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Chương IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 8 năm 2019 và thay thế Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh triển khai Nghị định này, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN SỰ THEO DÕI CỦA QUÝ VỊ ĐẠI BIỂU

